

## VẤN ĐỀ ÂM VỊ TRONG TIẾNG VIỆT

ĐOÀN THIÊN THUẬT\*

**Abstract:** Phoneme in Vietnamese can be unfamiliar to many people. It is different from the traditional phoneme in both size and functions. The whole syllable is one phoneme, therefore, it is called phoneme-syllable (syllabophoneme). Especially, it is also a morpheme.

Based on the concept of traditional phoneme which bears certain criteria, it can be seen that syllable in Vietnamese fits with those criteria. This finding has been documented in Chinese studies since 1930 and in Vietnamese studies since 1960s. This finding has attracted attention of researchers in the academia, however, it has been disregarded in practice due to the prevalence of the Quốc ngữ scripts, which has been developed by Westerners to record the traditional phonemes, originally based on the Indo-European language studies. Some intellectuals, due to their limited understanding of the concept of traditional phoneme with its smaller components, have homogenized phoneme with the traditional phoneme that they perceived. A prejudice brought by the Quốc ngữ scripts leads to the unwanted misunderstanding. The present paper points this out.

**Key words:** *phoneme, Vietnamese, Quốc ngữ scripts, morpheme, syllabeme.*

Mỗi ngôn ngữ có bản chất và tính đặc thù, song để tìm ra sự riêng biệt ấy không phải dễ dàng. Tìm hiểu khái niệm “âm vị” cổ điển hay truyền thống, đương nhiên cần cặn kẽ và cả góc khuất của nó, thấy hết cái mà nó bao hàm để ứng dụng vào việc nghiên cứu âm vị tiếng Việt. Đó là nguyên tắc và là hướng đi ta lựa chọn. Dưới đây là những bước đi để tìm ra Âm vị đặc thù của tiếng Việt.

### 1. “Âm vị” theo truyền thống

Về mặt lí thuyết ngôn ngữ học đại cương thì “âm vị” là đơn vị khu biệt đơn thuần, ở bậc dưới, còn “hình vị” là đơn vị có nghĩa, thuộc bậc trên trong sự phân chiết hai bậc (double articulation) của ngôn ngữ [11].

Âm vị theo truyền thống hay trong Âm vị học cổ điển là khái niệm xuất phát từ việc nghiên cứu các ngôn ngữ Ấn Âu. Mỗi âm vị là tổng thể của những nét khu biệt được thể hiện đồng thời, nhằm khu biệt những đơn vị có nghĩa. Mỗi âm vị về mặt đồ hình được thể hiện bằng một con chữ trong hệ thống chữ Việt Roman. Nhưng thực ra không phải chỉ có vậy. Để khu biệt các đơn vị có nghĩa, ngoài các âm vị cần thiết còn có vấn đề trật tự các âm vị. Có hai âm vị /l/ và /i/. Nếu trật tự kết hợp của chúng khác nhau sẽ có những từ khác nhau: /l/ + /i/ = /li/ (*lit* trong tiếng Pháp

\* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

có nghĩa là “cái giường”). Còn /i/ + /l/ = /il/ (*il* trong tiếng Pháp là “nó” - đại từ nhân xưng, ngôi thứ 3, số ít, giống đực). Âm vị đặt theo trật tự trước sau giả định bản chất tuyến tính của âm vị. Mỗi âm vị phải là một âm đoạn (segment).

Nếu chấp nhận khái niệm âm vị như vừa trình bày thì trong tiếng Việt, tiếng Hán và một số ngôn ngữ ở Đông Nam Á, cái được gọi là âm vị sẽ là âm tiết, nó bao gồm những nét khu biệt và là một âm đoạn, đảm bảo sự đối lập về trật tự trước sau. Ví dụ: *xấu mặt* (nói ra chỉ tổ xấu mặt) và *mặt xấu* (*cô ta người thì đẹp, nhưng mặt xấu*). Ở đây có điều đáng lưu ý rằng, nếu *xấu* và *mặt* là những âm vị thì chúng cũng đồng thời là đơn vị có nghĩa, tức hình vị hoặc từ. Như vậy, trong một số ngôn ngữ trong đó có tiếng Việt, âm tiết vừa là âm vị, vừa là hình vị. Tình hình không phải như trong các ngôn ngữ Ấn Âu, ở đây ta có một thứ âm vị khác.

## 2. Âm vị - âm tiết

Từ lâu các nhà Đông phương học Xô viết như Polivanov [10], Dragunov [6] đã thấy được điều vừa trình bày và gọi âm vị trong các ngôn ngữ như tiếng Hán là “âm vị - âm tiết” (syllabophoneme) hay “tiết vị” (syllabeme). Những nhà Việt ngữ học ở Việt Nam cũng như nước ngoài vào những năm 60, 70 của thế kỉ trước cũng thấy được ở mức độ khác nhau thứ âm vị đặc thù của tiếng Việt. Gordina đã cho rằng âm tiết tiếng Việt gồm có phụ âm đầu và phần còn lại, có thể gồm nhiều âm tố nhưng đó không phải là những âm vị độc lập [7]. Nguyễn Quang Hồng trong luận án Phó tiến sĩ đã khẳng định “tiết vị” là đơn vị cơ bản của tiếng Việt [9]. Sách *Ngữ pháp lớp 5* đã dùng “tiếng” thay cho “âm tiết” [5]. Nhưng bản chất tiếng là gì, thì trong sách *Ngữ pháp tiếng Việt: Tiếng - Từ ghép - Đoàn ngữ*, Nguyễn Tài Cẩn nói rất rõ: “Một Tiếng trong tiếng Việt, đứng về mặt ngữ âm chính là một âm tiết mà đứng về mặt ngữ pháp là một Hình vị” [2]. Hoàng Tuệ và Hoàng Minh cũng khẳng định rằng “Âm tiết là đơn vị ngôn ngữ học hiện rõ ngay từ đầu khi người ta bắt tay vào phân tích câu nói, một đơn vị được phân giới rất rõ trong ngữ lưu bằng đường biên giới ngữ âm học trùng khớp với những biên giới hình thái học” [12]. Trong bài viết này, hai tác giả cũng đã miêu tả các thành tố cấu tạo âm tiết tiếng Việt nhưng chưa được rõ ràng, còn gây cho người đọc hiểu lầm. Có lẽ công trình miêu tả chi tiết hơn và trọn vẹn phải là sách *Ngữ âm tiếng Việt* [4]. Riêng Nguyễn Quang Hồng, sau nhiều năm tích lũy với những bài viết về chức năng và cấu trúc âm tiết tiếng Việt đăng trong các tạp chí chuyên ngành ở trong và ngoài nước, đã tổng kết từ Âm vận học Trung Hoa đến học thuyết Âm vị học âm tiết trong cuốn sách dày dặn với nhau đề *Âm tiết và loại hình học ngôn ngữ* [3].

## 3. Âm vị - âm tiết và việc xuất thành những yếu tố nhỏ hơn

Như trên đã thấy, nhiều nhà nghiên cứu, nhiều công trình đã đảm bảo tư cách không gì lay chuyển nổi của thứ âm vị đặc thù trong tiếng Việt. Có lẽ chúng ta có quyền dừng ở đây. Song, để trả lời yêu cầu của thực tế xã hội ta buộc phải tiến thêm bước nữa là phân xuất các âm vị - âm tiết thành những yếu tố nhỏ hơn thích ứng với việc dạy chữ trong nhà trường.

Căn cứ vào những hiện tượng ngôn ngữ thường gặp như phép lặp từ, từ láy, hiện tượng *iêc* hóa (*bàn > bàn biếc* gì mà như thế này), cách nói lái, quy luật hiệp vần thơ (mà trước hết là ca dao), nghĩa là căn cứ vào cảm thức ngôn ngữ của người Việt mà phân xuất âm tiết ra những yếu tố nhỏ hơn. Chúng bao gồm trước hết là thanh điệu, âm đầu và phần còn lại, gọi là phần vần. Đó là 3 thành phần thuộc bậc I. Sau đó, phần vần lại được phân xuất ra âm đệm, âm chính, âm cuối.

Đó là những thành phần thuộc bậc II. Tóm lại, các yếu tố cấu tạo nên âm tiết gồm 5 thành tố được xếp thành 2 bậc. Mỗi thành tố được gọi tên theo vị trí. Mô hình âm tiết - hình vị này là cố định.

Mỗi thành tố có chức năng riêng và làm thành một đối hệ. Các âm tiết tức hình thức biểu đạt các hình vị đối lập nhau trong từng đối hệ.

*Toán* và *tán* đối lập nhau trong đối hệ âm đệm. Trong *toán* có yếu tố tròn môi, trong *tán* không có đặc trưng ấy. Đây là một thể đối lập “có - không”. Về “không” có nội dung tiêu cực được gọi là “âm vị /zêrô/”. Cũng như thế, các âm tiết - hình vị khác đối lập nhau trong đối hệ âm cuối. Âm cuối cũng có thể do “âm vị /zêrô/” đảm nhiệm.

Về thuật ngữ “âm vị” sẽ được giải thích rõ ràng ở trang sau. Ở đây có điều cần nắm vững là “âm vị /zêrô/” không phải là sự vắng mặt của 1 thành tố mà là sự thể hiện tiêu cực xét theo một đặc trưng nào đó.

#### 4. Vấn đề âm vị trong chữ quốc ngữ

Người Việt đang sử dụng thứ chữ Latin khá tiện lợi, do các giáo sĩ châu Âu đặt ra với mục đích học tiếng Việt để truyền giáo, đó là chữ Quốc ngữ. Dấu ấn của họ để lại trong chữ viết là cùng 1 âm vị /k/ được viết bằng *c*, *k*, *q* để tránh cho họ khỏi đọc nhầm theo cách đọc chữ viết của họ, v.v... Song, trên đại thể là mỗi âm vị được ghi bằng một con chữ. Khái niệm âm vị ở đây là âm vị cổ điển xuất phát từ các ngôn ngữ Ấn Âu. Cho đến trước những năm 60 của thế kỉ trước, nghĩa là trước khi các nhà Việt ngữ học phát hiện ra tính đặc thù của âm vị - âm tiết của tiếng Việt thì chúng ta, thông qua chữ Quốc ngữ, đã quá quen thuộc với khái niệm âm vị cổ điển.

Đến nay, nhiều người vẫn giữ khái niệm âm vị cổ điển và nhầm lẫn với những thành tố của âm vị - âm tiết. Họ cho rằng trong âm vị - âm tiết có thể chỉ gồm âm chính và thanh điệu. Cách phát biểu như vậy là căn cứ vào chữ viết (chữ Quốc ngữ) kiểu như *ư* (*ư sủng*). Họ quên mất rằng âm vị - âm tiết gồm 5 thành tố cố định, luôn luôn có mặt. Họ đồng nhất “âm vị /zêrô/” với sự vắng mặt của 1 âm vị. Cần hiểu rằng trên chữ viết *ư* chỉ có 1 nguyên âm và 1 dấu thanh, nhưng khi phát âm thì đó là 1 âm tiết và âm tiết này có nghĩa, đó là 1 hình vị hay 1 từ, và họ đang đối mặt với 1 âm vị - âm tiết. Trong việc miêu tả âm vị - âm tiết không thể làm gì khác hơn là chấp nhận đầy đủ các thành tố cấu tạo nên nó. Sở dĩ người ta đi tới phân xuất âm tiết thành những yếu tố nhỏ hơn là nhằm mục đích thực tiễn trong việc dạy chữ, song cần biết rằng yếu tố nhỏ hơn đó không có giá trị âm vị. Khi nói đến “âm vị /zêrô/” thì thuật ngữ “âm vị” ở đây chỉ có nghĩa lâm thời. Trong sách *Ngữ âm tiếng Việt* [4] tác giả có đối chiếu các “âm vị” với các con chữ của Quốc ngữ, chính là đã dùng thuật ngữ “âm vị” lâm thời kiểu này. Nói khác đi, có hai thứ âm vị: một **âm vị chính danh**, đó là âm vị - âm tiết và một **âm vị giả danh** có giá trị lâm thời, tương ứng với những con chữ của chữ Quốc ngữ. Trong tiếng Việt không có âm vị độc lập ngoài âm tiết.

Đến đây mọi vấn đề có liên quan đến âm vị tiếng Việt hầu như đã được giải quyết. Trong dạy học, cho đến nay, không có điều gì va vấp. Vấn đề là trong học thuật các nhà nghiên cứu cần cảnh giác với chính mình, mỗi khi đề cập đến âm vị - âm tiết: để mang theo định kiến của âm vị cổ điển hay truyền thống châu Âu vào và mắc phải những sai phạm không đáng có.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

## Tiếng Việt

1. Nguyễn Tài Căn, *Một vài suy nghĩ xung quanh vấn đề quan hệ giữa moocphem và âm tiết trong tiếng Việt*, Thông báo khoa học Đại học Tổng hợp, Ngữ văn, 1966.
2. Nguyễn Tài Căn, *Ngữ pháp tiếng Việt: Tiếng - Từ ghép - Đoàn ngữ*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1975.
3. Nguyễn Quang Hồng, *Âm tiết và loại hình ngôn ngữ*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 2012.
4. Đoàn Thiện Thuật, *Ngữ âm tiếng Việt*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1977.
5. Hoàng Tuệ, Nguyễn Tài Căn, *Ngữ pháp lớp 5*, Hà Nội, 1963.

## Tiếng Nga và tiếng Pháp

6. Драгунов А.Е., *Дунганский язык*, Записки Института Востоковедения АН СССР, т. VI, Москва, 1937.
7. Гордина, М.В., *О некоторых спорных вопросах фонетического строя вьетнамского языка*, Уч. Зап, ЛГУ 237, V.40, 1960.
8. Гордина М. В., *К вопросу о фонеме во вьетнамском языке*, Вопросы языкознания. № 6. М.: Наука, С. 101-109, 1959.
9. Нгуен Куанг Хонг, *Проблема сллабемы как основной единицы языка*, Автореферат Кандидатской Диссертации. Институт Востоковедения АН СССР, Москва, 1974.
10. Поливанов, Е.Д., *Грамматика современного китайского языка*, Москва, Моск. Ун. Востоковедение, 1930.
11. Maritnet, A., *Eléments de linguistique générale 3e ed*, P. Armand Colin, 1969.
12. Hoàng Tuệ, Hoàng Minh, *Remarques sur la structure phonologique du Vietnamien*, Etudes Vietnamiens, No 40, Essais Linguistiques, Hà Nội, 1975.